TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/DS-ST
Ngày: 20-07-2022
V/v tranh chấp tiền hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Út Lùng;

Ông Võ Minh Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp "Tiền hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 135/2022/QĐ-ST ngày 27 tháng 6 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Bà Võ Mỹ Ng, sinh năm 1976 (có đơn xin vắng).

Địa chỉ: Ấp Tr, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà Đoái Thị Tí H, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Ông Đoàn Văn T, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Cùng cư trú địa chỉ: Ấp Ng, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Trường G, sinh năm 1965 (có đơn xin vắng); địa chỉ ấp Tr, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 3 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Mỹ Ng trình bày yêu cầu:

Bà Ng là chủ hụi, vợ chồng ông Đoàn Văn T và bà Đoái Thị Tí H là hụi viên. Vợ chồng ông T tham gia 03 chân hụi của 02 dây hụi 1.000.000 đồng,

loại hụi có lãi, chủ hụi có hưởng tiền cò. Cụ thể:

- Dây hụi thứ nhất, hụi 1.000.000 đồng mở ngày 15/01/2019 âm lịch, có 53 chân, mỗi tháng khui 02 lần 15 và 30 hàng tháng, vợ chồng ông T vô 01 chân, hốt vào kỳ khui thứ 3, thăm bỏ 250.000 đồng, số tiền hốt hụi được 39.750.000 đồng. Sau khi hốt hụi có đóng hụi chết, đến ngày 15/01/2020 âm lịch thì ngưng, số tiền còn nợ của dây hụi này là 29 kỳ bằng 29 triệu đồng, hụi đã mãn ngày 30/4/2021 âm lịch.

- Dây hụi thứ hai, hụi 1.000.000 đồng mở ngày 30/4/2019 âm lịch một tháng khui 02 lần vào ngày 15 và 30 hàng tháng, có 65 chân, vợ chồng ông T vô 02 chân, hụi khui được 02 lần đến lần thứ 3 (ngày 30/5/2019) thì hốt hụi, thăm bỏ 340.000 đồng, số tiền hụi hốt được 42.920.000 đồng; chân thứ 02 hốt kỳ hụi thứ 8 (ngày 15/8/2019), thăm bỏ 320.000 đồng, số tiền hụi hốt được 45.760.000 đồng. Sau khi hốt hụi có đóng hụi chết, đến ngày 15/01/2020 âm lịch thì ngưng, tính đến mãn hụi còn nợ 48 kỳ x 02 chân = 96.000.000 đồng, hụi mãn ngày 15/02//2022 âm lịch.

Tổng cộng hai dây hụi còn nợ 125.000.000 đồng, do vợ chồng ông T không đóng hụi, bà Ng phải tràn hụi để giao cho hụi viên hốt được hụi. Nay bà Ng yêu cầu vợ chồng ông T có trách nhiệm liên đới thanh toán tiền hụi 125.000.000 đồng.

Bị đơn ông Đoàn Văn T trình bày ý kiến:

Trước đây vợ chồng ông có tham gia hụi 1.000.000 đồng do vợ chồng bà Ng làm chủ, hụi mãn ông không tham gia nữa, việc bà H tự ý tham gia ông không biết nên không chịu trách nhiệm. Giấy nhận nợ phía bà Ng nộp cho Tòa án có chữ ký và chữ viết tên Đoái Thị Tí H, ông cũng không xác định được có phải là chữ ký của bà H không.

Ông T cho biết, ông và bà H đã ly hôn vào tháng 3 năm 2020, việc bà H tham gia hụi của vợ chồng bà Ng ông không biết. Trách nhiệm trả nợ là của bà H không phải của ông và bà H, vì khi giao dịch với nhau bà Ng không thông báo cho ông biết nên ông không chịu trách nhiệm, hiện nay bà H sinh sống ở đâu ông không biết, vì đã ly hôn với nhau.

Bị đơn bà Đoái Thị Tí H: Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định đương sự không có văn bản trả lời về vụ việc; Tòa án tống đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho đương sự nhiều lần nhưng đương sự vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Trường G trình bày ý kiến:

Vợ chồng ông G mở hụi nhiều năm ở địa phương, vợ chồng ông T có tham gia nhiều dây hụi, ông T cũng trực tiếp tham gia, vợ chồng ông T ở địa phương có tài sản đất đai và cũng có uy tín nên khi cho vô hụi ông bà nghỉ là vợ

chồng còn sống chung, còn vợ chồng ông T ly hôn vợ chồng ông G không biết. Khi hốt hụi bà H cũng nói là về lo cho hai đứa con ở trên Phước Long ăn học, nên tiền nợ hụi là của chung ông T, bà H. Yêu cầu ông T và bà H cùng liên đới trả cho vợ chồng ông 125.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Võ Mỹ Ng; bị đơn bà Đoái Thị Tí H, ông Đoàn Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Trường G vắng mặt nên không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có kiến nghị.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Ng, buộc ông T và bà H có trách nhiệm liên đới thanh toán tiền hụi cho vợ chồng bà Ng 125 triệu đồng; án phí và chi phí giám định ông T và bà H chịu, nguyên đơn có nộp tạm ứng án phí được nhận lại toàn bộ án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Võ Mỹ Ng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Trường G có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu này phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự được chấp nhận.

Nguyên đơn khởi kiện ghi đúng nơi cư trú của bị đơn bà Đoái Thị Tí H. Trước khi Tòa án thụ lý vụ án bị đơn đã thay đổi nơi cư trú không báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện do đó Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự và Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án niêm yết công khai giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn hợp lệ 02 lần nhưng đương sự vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Đoái Thị Tí H và ông Đoàn Văn T.

Về nội dung:

[1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp

Bà Võ Mỹ Ng khởi kiện ông Đoàn Văn T và bà Đoái Thị Tí H yêu cầu thanh toán tiền hụi. Quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp tiền hụi".

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Bà Ng khởi kiện cho rằng ông T và bà H vô hụi, hốt hụi không đóng lại hụi chết cho bà, mỗi kỳ khui hụi bà phải tràn hụi, việc không đóng hụi chết của ông T và bà H làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà Ng nên có cơ sở xem xét yêu cầu khởi kiện của bà Ng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền hụi: Bà Ng yêu cầu thanh toán 125.000.000 đồng tiền hụi của ba chân hụi, do phía bị đơn là bà Đoái Thị Tí H không có văn bản nêu ý kiến mình và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, bà Ng yêu cầu Tòa án thu thập mẫu chữ ký, chữ viết của bà H để giám định đối với "Giấy Nhận Nợ" không thể hiện ngày do bà H ký tên và ghi họ tên vào giấy nhận nợ khi chốt tiền nợ hụi. Tòa án đã trưng cầu giám định, căn cứ kết luận giám định số: 130/KL-KTHS ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau, kết luận:

Chữ ký **"H"**, chữ viết họ tên **"Đoái Thị Tí H"** dưới dòng chữ **"mươi lăm triệu đồng"** trên **"Giấy Nhận Nợ"** bút lục số 9,10 (Ký hiệu **A**) so với chữ ký "H", viết họ tên "Đoái Thị Tí H" dưới mục: "Người nộp", "Người nhận", "Nơi nhận:", "Người được tống đạt", "NGƯỜI GIAO NỘP TÀI LIỆU, CHỨNG CỨ" trên các tài liệu:

"PHIẾU NHẬN ĐƠN" số 94/PNĐ ngày 03/02/2020, bút lục số 06;

"GIẤY XÁC NHẬN ĐÃ NHẬN ĐƠN KHỞI KIỆN" số 18/2020/GXN-TA, ngày 03/02/2020, bút lục số 07;

"THÔNG BÁO NỘP TIỀN TẠM ỨNG ÁN PHÍ" số 13/2020/TB-TA, ngày 03/02/2020, bút lục số 09;

"BIÊN BẢN TỐNG ĐẠT" ngày 03/02/2020, bút lục số 14;

"BIÊN BẢN GIAO NHẬN TÀI LIỆU, CHỨNG CỨ" ngày 25/02/2020, bút lục số 16;

"BIÊN BẢN (V/v tống đạt thông báo)" ngày 12/03/2020, bút lục số 22;

"BIÊN BẢN (V/v tống đạt Bản án)" ngày 30/3/2020, bút lục số 35 (Ký hiệu từ M1 đến M7) là do cùng một người viết ra.

Như vậy, có cơ sở khẳng định đối với "Giấy Nhận Nợ" thể hiện số nợ 125.000.000 đồng là của bà Đoái Thị Tí H ký nhận nợ, vì vậy yêu cầu của nguyên đơn buộc thanh toán tiền nợ hụi là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Xét lời trình bày của ông Đoàn Văn T, ông cho rằng khoản nợ hụi là nợ riêng của bà Đoái Thị Tí H. Thấy rằng:

Tại biên bản hòa giải ngày 20/4/2022 của Tòa án (bút lục số 51, 52), ông T thừa nhận trước đây ông và bà H có tham gia chơi hụi do bà Ng làm chủ.

Nhưng sau đó ông đã nghỉ không còn tham gia hụi của bà Ng, việc bà H tham gia hụi là nợ riêng. Lời trình bày này không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: Thời điểm giao dịch hụi (ngày 15/01/2019 âm lịch) với bà Ng thì ông bà vẫn còn sống chung chưa ly hôn, hơn 01 năm sau ông bà mới gửi đơn xin ly hôn, (ly hôn tháng 3 năm 2020), thời điểm này đã hốt hụi của bà Ng, như vậy khoản tiền nợ hụi của bà Ng không thể nói là nợ riêng bà H. Mặc khác, ông T cũng xác định là vợ chồng ông lúc còn chung sống thì tiền bạc trong nhà là do bà H nắm giữ để chi tiêu sinh hoạt gia đình, do đó việc bà H tham gia hụi và hốt hụi cũng vì mục đích chi tiêu sinh hoạt cho gia đình.

Theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định trách nhiệm liên đới của vợ, chồng; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Vì vậy, buộc ông T có trách nhiệm liên đới cùng bà H thanh toán tiền hụi là phù hợp.

Việc bà Ng làm chủ hụi thu nhập từ việc làm đầu thảo hụi, cũng như việc tràng hụi là sử dụng tiền của vợ chồng bà Ng nên buộc ông T và bà H liên đới thanh toán 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng) tiền hụi cho vợ chồng bà Ng, ông G là phù hợp.

Về lãi suất: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về chi phí giám định: Yêu cầu giám định của nguyên đơn về chữ ký, chữ viết trong biên nhận nhận tiền đúng là của bà Đoái Thị Tí H; do đó bà H và ông T phải chịu toàn bộ chi phí giám định với số tiền là 5.870.000 đồng theo quy định tại Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự; bà Ng đã nộp tạm ứng tiền chi phí giám định nên bà H và ông T có nghĩa vụ nộp khoản chi phí này, nộp để hoàn trả lại cho bà Ng theo quy định tại Điều 162 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Ng được nhận lại tiền tạm ứng chi phí giám định là 5.870.000 đồng do ông T và bà H nộp trả.

[5] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp, cụ thể số tiền án phí phải chịu là 125.000.000 đồng x 5% = 6.250.000 đồng; buộc ông T, bà H chịu án phí 6.250.000 đồng.

Bà Ng không phải chịu án phí, có nộp tạm ứng án phí 3.125.000 đồng được nhận lại toàn bộ.

Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở được chấp nhận toàn bộ.

Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Mỹ Ng đối với ông Đoàn Văn T, bà Đoái Thị Tí H về việc yêu cầu thanh toán tiền nợ hụi.

- Buộc ông Đoàn Văn T, bà Đoái Thị Tí H có trách nhiệm liên đới thanh toán tiền hụi cho bà Võ Mỹ Ng và ông Lê Trường G 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Lãi suất đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Kể từ ngày vợ chồng bà Ng và ông G có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông T, bà H chậm thanh toán tiền thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả đối với số tiền chậm thi hành án.

- Về chi phí giám định: Buộc ông Đoàn Văn T và bà Đoái Thị Tí H chịu chi phí giám định là 5.870.000 đồng, nộp để hoàn trả cho bà Ng; Bà Ng được nhận lại chi phí giám định 5.870.000 đồng do ông T, bà H nộp trả.

- Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.250.000 đồng ông T, bà H phải chịu.

Bà Ng không phải chịu án phí, có nộp tạm ứng án phí 3.125.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015472 ngày 14/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được nhận lại toàn bộ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Đính